

**HIỆP ĐỊNH GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI  
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ NƯỚC ĐẠI HÀN DÂN QUỐC  
VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI**

Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Đại Hàn Dân Quốc (sau đây gọi chung là “Các Bên ký kết Hiệp định”),

Với nguyện vọng thúc đẩy quan hệ hợp tác trên lĩnh vực bảo hiểm xã hội,

Đã thống nhất như sau:

**PHẦN I  
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

**Điều 1**

**Định nghĩa**

1. Trong khuôn khổ của Hiệp định này:

(a) “lãnh thổ” là:

(i) đối với Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi tắt là Việt Nam) là lãnh thổ của Việt Nam, và

(ii) đối với Đại Hàn Dân Quốc (sau đây gọi tắt là Hàn Quốc) là lãnh thổ của Hàn Quốc;

(b) “công dân” là:

(i) đối với Việt Nam là một người có quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam, và

(ii) đối với Hàn Quốc là một công dân của Hàn Quốc theo quy định của Luật Quốc tịch;

(c) “các quy định pháp luật” là các luật, các quy định có liên quan đến bảo hiểm xã hội trong Điều 2 của Hiệp định này;

(d) “Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền” là:

(i) đối với Việt Nam là Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Việt Nam, và

(ii) đối với Hàn Quốc là Bộ Y tế và Phúc lợi Hàn Quốc;

(e) “Cơ quan thực hiện” là:

(i) đối với Việt Nam là Bảo hiểm xã hội Việt Nam, và

(ii) đối với Hàn Quốc là Cơ quan Hưu trí Quốc gia;

(f) “thời gian tham gia” là bất kỳ khoảng thời gian đóng bảo hiểm xã hội đã kết thúc và được một Bên ký kết Hiệp định thừa nhận, và bất kỳ khoảng thời gian nào khác được công nhận là tương đương với thời gian các khoản đóng bảo hiểm theo quy định của pháp luật đó;

(g) “chế độ” là bất kì chế độ bảo hiểm nào căn cứ theo pháp luật được nêu trong Điều 2 của Hiệp định này;

2. Các khái niệm chưa định nghĩa trong Điều này sẽ được xác định ý nghĩa theo pháp luật quy định ở Điều 2 trong Hiệp định này.

## **Điều 2**

### **Phạm vi áp dụng**

1. Hiệp định này sẽ được áp dụng theo pháp luật sau:

(a) về phía Việt Nam, Luật bảo hiểm xã hội liên quan đến chế độ hưu trí và tử tuất;

(b) về phía Hàn Quốc, Luật Hưu trí Quốc gia.

2. Trừ khi có quy định cụ thể trong Hiệp định này, các pháp luật quy định tại đoạn 1 của Điều này sẽ không bao gồm các điều ước khác về bảo hiểm xã hội được ký kết giữa một Bên ký kết và bên thứ ba, hoặc pháp luật quy định cụ thể đối với việc thi hành các điều ước nêu trên.

3. Hiệp định này cũng sẽ có hiệu lực đối với các điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế quy định pháp luật được nêu tại đoạn 1 Điều này.

4. Ngoại trừ đoạn 3 của Điều này, Hiệp định này sẽ không áp dụng cho các pháp luật hoặc quy định phát sinh từ luật hiện hành của một Bên ký kết Hiệp

định đối với các nhóm hưởng lợi mới, nếu trong vòng 6 tháng kể từ khi các pháp luật hoặc quy định này có hiệu lực, Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Bên ký kết Hiệp định đó thông báo với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Bên ký kết Hiệp định còn lại, bằng văn bản, rằng Hiệp định này không điều chỉnh các pháp luật phát sinh đó.

### **Điều 3**

#### **Đối tượng áp dụng**

1. Hiệp định này được áp dụng cho bất kỳ cá nhân nào đã hoặc đang chịu sự điều chỉnh của pháp luật của một trong hai bên ký kết Hiệp định.

2. Hiệp định này cũng sẽ áp dụng cho thân nhân và người thừa kế của người này trong phạm vi các quy định pháp luật của một trong hai Bên ký kết Hiệp định.

### **Điều 4**

#### **Đối xử bình đẳng**

1. Ngoại trừ trường hợp có quy định khác các quy định của Hiệp định này, bất cứ người nào được miêu tả tại Điều 3 đang sinh sống trong lãnh thổ của một trong hai Bên ký kết Hiệp định, sẽ được đối xử công bằng như công dân của Bên ký kết Hiệp định đó khi áp dụng pháp luật của Bên ký kết Hiệp định trong việc xác định tư cách và chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội. Các quy định nêu trên cũng được áp dụng cho thân nhân và người thừa kế chế độ tử tuất đang sinh sống trong lãnh thổ của một trong hai Bên ký kết Hiệp định theo các quyền lợi dành cho các cá nhân nêu tại đoạn này.

2. Ngoại trừ có quy định khác các quy định trong Hiệp định này, các chế độ theo quy định pháp luật của một Bên ký kết sẽ không bị khấu trừ, thay đổi, trì hoãn, thu hồi hoặc tịch thu vì lý do người hưởng lợi cư trú hoặc ở tại lãnh thổ của Bên ký kết khác, và các chế độ sẽ được chi trả trên lãnh thổ của Bên ký kết còn lại.

3. Ngoại trừ có quy định khác trong Hiệp định này, mọi quy định pháp luật của một Bên ký kết đòi hỏi điều kiện hưởng hoặc chi trả các chế độ phụ thuộc vào nơi cư trú trên lãnh thổ của Bên ký kết đó sẽ không được áp dụng cho những người cư trú trên lãnh thổ của Bên ký kết kia.

4. Các chế độ theo quy định của Bên ký kết này sẽ được chỉ cho người hưởng các chế độ nêu tại Điều 3 khi người đó sinh sống bên ngoài lãnh thổ của cả hai Bên ký kết tương tự như các công dân của Bên ký kết đó được nhận khi sinh sống bên ngoài lãnh thổ của cả hai Bên ký kết.

## **PHẦN II**

### **CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM**

#### **Điều 5**

#### **Các điều khoản chung**

Ngoại trừ có các quy định khác với các quy định tại Phần này, người lao động theo hợp đồng lao động đang làm việc trong lãnh thổ của một Bên ký kết Hiệp định sẽ chỉ được chịu sự điều chỉnh theo pháp luật của Bên ký kết đó, trong phạm vi công việc nói trên.

#### **Điều 6**

#### **Lao động phái cử**

1. Nếu một người lao động làm việc cho một chủ sử dụng lao động có trụ sở đăng ký trên lãnh thổ của một Bên ký kết Hiệp định, và được chủ sử dụng lao động đó cử đi làm việc, thay mặt cho chủ lao động đó trên lãnh thổ của Bên ký kết Hiệp định còn lại thì chỉ có pháp luật của Bên ký kết Hiệp định đầu tiên có hiệu lực đối với người lao động này trong sáu mươi (60) tháng đầu tiên như là người này đang làm việc trong lãnh thổ của Bên ký kết đầu tiên. Đoạn này cũng áp dụng cho người lao động làm việc theo hợp đồng lao động được phái cử bởi chủ sử dụng lao động trên lãnh thổ của một Bên ký kết Hiệp định sang làm việc tại một công ty con hoặc đối tác của chủ sử dụng lao động trên lãnh thổ của Bên ký kết Hiệp định còn lại.

2. Trong trường hợp thời gian phái cử đi làm việc kéo dài hơn thời gian xác định trong đoạn 1 Điều này, pháp luật của Bên ký kết Hiệp định đầu tiên đề cập ở đoạn này sẽ tiếp tục áp dụng thêm cho khoảng thời gian ba mươi sáu (36) tháng trong điều kiện người lao động có hợp đồng lao động với cùng một chủ sử dụng lao động.

## **Điều 7**

### **Lao động tuyển dụng tại chỗ**

1. Khi một công dân của một Bên ký kết Hiệp định đang tạm sinh sống trên lãnh thổ của Bên ký kết Hiệp định kia và được tuyển dụng bởi chủ sử dụng lao động có cơ sở làm việc tại Bên ký kết Hiệp định kia và làm việc cho chủ sử dụng này trên lãnh thổ Bên ký kết Hiệp định kia, thì chỉ pháp luật của Bên ký kết Hiệp định kia sẽ có hiệu lực đối với người lao động đó.

2. Ngoại trừ các quy định tại đoạn 1 của Điều này, khi một công dân của Hàn Quốc được một chủ sử dụng có cơ sở tại Việt Nam tuyển dụng và làm việc cho chủ sử dụng này tại Việt Nam, chỉ pháp luật của Hàn Quốc được áp dụng cho lao động này trong thời gian làm việc đó với điều kiện người này chịu sự điều chỉnh của pháp luật Hàn Quốc và khoảng thời gian làm việc này không kéo dài quá 60 tháng.

## **Điều 8**

### **Người làm việc tại các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự và cán bộ nhà nước**

1. Hiệp định này không ảnh hưởng đến việc áp dụng Công ước Viên ngày 18 tháng 4 năm 1961 về quan hệ ngoại giao và Công ước Viên ngày 24 tháng 4 năm 1963 về quan hệ lãnh sự.

2. Đối với Đoạn 1 của Điều này, một công dân được tuyển dụng bởi cơ quan nhà nước trung ương hoặc địa phương hay mọi dịch vụ công ích khác của một Bên ký kết được cử đi làm việc trong lãnh thổ của Bên ký kết kia, sẽ chịu sự điều chỉnh bởi pháp luật của Bên ký kết đầu tiên như khi họ làm việc trên lãnh thổ của Bên ký kết này.

## **Điều 9**

### **Các trường hợp ngoại lệ**

Các cơ quan có thẩm quyền hoặc Cơ quan thực hiện của cả hai Bên ký kết Hiệp định có thể cấp phép ngoại lệ theo Phần này đối với những người hoặc nhóm cá nhân cụ thể, chỉ khi mọi cá nhân liên quan chịu sự điều chỉnh bởi pháp luật của một Bên ký kết.

### PHẦN III ĐIỀU KHOẢN VỀ CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM

#### Điều 10

##### Tính tổng thời gian tham gia bảo hiểm và cách tính các chế độ bảo hiểm

1. Khi kết thúc các khoảng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật hai Bên ký kết, để xác định các điều kiện cho các chế độ theo pháp luật của mình, Cơ quan thực hiện của mỗi Bên ký kết Hiệp định, trong trường hợp cần thiết, sẽ xem xét các khoảng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật của Bên ký kết Hiệp định kia với điều kiện các khoảng thời gian này không trùng với khoảng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật của nước mình.

2. Trong trường hợp pháp luật của một Bên ký kết Hiệp định cho phép chi trả những chế độ nhất định với điều kiện thời gian tham gia bảo hiểm xã hội đã kết thúc trong một công việc nhất định, thì chỉ có các khoảng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội đã kết thúc hoặc được công nhận là tương đương trong cùng một công việc theo quy định pháp luật của Bên ký kết Hiệp định còn lại mới được tính tổng để được hưởng các chế độ này.

3. Việc tính toán các chế độ sẽ được xác định theo quy định pháp luật hiện hành của Bên ký kết Hiệp định tương ứng nếu như không có quy định khác được nêu trong Hiệp định này.

#### Điều 11

##### Các điều khoản đặc biệt về phía Hàn Quốc

1. Khi các khoảng thời gian tham gia bảo hiểm theo pháp luật của Việt Nam được xem xét để xác định quyền hưởng các chế độ theo pháp luật Hàn Quốc, như quy định tại đoạn 1 của Điều 10, các chế độ chi trả sẽ được xác định như sau:

(a) Cơ quan thực hiện của Hàn Quốc trước tiên sẽ tính khoản hưu trí tương đương với khoản sẽ chi cho một người trong trường hợp tổng thời gian tham gia bảo hiểm tính theo pháp luật của hai Bên ký kết đã được hoàn thành theo pháp

luật Hàn Quốc. Để xác định khoản tiền hưu trí được nhận, Cơ quan thực hiện Hàn Quốc sẽ căn cứ vào thu nhập trung bình hàng tháng của người đó trong thời gian tham gia bảo hiểm theo pháp luật Hàn Quốc;

(b) Cơ quan thực hiện Hàn Quốc sẽ tính toán phần chế độ chi trả theo pháp luật Hàn Quốc dựa trên chế độ hưu trí được tính ở đoạn trên, tỉ lệ thuận với thời gian tham gia bảo hiểm tính theo pháp luật Hàn Quốc và tổng thời gian tham gia bảo hiểm quy định trong pháp luật của cả hai Bên Ký kết Hiệp định.

2. Việc chi trả một lần đối với các công dân của Việt Nam sẽ được thực hiện một cách bình đẳng như đối với công dân Hàn Quốc. Ngoại trừ các quy định tại Điều 4 Hiệp định này, các khoản chi trả một lần sẽ được thực hiện đối với công dân một nước thứ ba chỉ theo quy định của pháp luật Hàn Quốc.

## **Điều 12**

### **Các điều khoản đặc biệt về phía Việt Nam**

1. Khi các khoảng thời gian tham gia bảo hiểm theo pháp luật của Hàn Quốc được xem xét để xác định quyền hưởng các chế độ theo pháp luật Việt Nam như quy định tại khoản 1 Điều 10, các mức chi trả sẽ được xác định như sau:

(a) Thời gian tham gia bảo hiểm xã hội tính hưởng chế độ hưu trí là tổng thời gian tham gia ở cả Hàn Quốc và Việt Nam không bao gồm thời gian trùng (nếu có);

(b) Mức hưởng các chế độ được tính theo quy định của pháp luật của Việt Nam và không có sự phân biệt đối xử;

(c) Nếu tổng thời gian tham gia bảo hiểm tích lũy cho một người theo pháp luật Việt Nam ít hơn 18 tháng, Cơ quan thực hiện của Việt Nam sẽ không được yêu cầu phải áp dụng Điều 10 của Hiệp định này.

2. Ngoại trừ các quy định tại đoạn 1 của Điều này, thời gian đóng theo quy định của pháp luật Hàn Quốc sẽ không được tính làm căn cứ xét hưởng chế độ tử tuất theo pháp luật của Việt Nam.

3. Đoạn 2 của Điều này sẽ không được áp dụng khi pháp luật của Việt Nam sửa đổi để tính mức hưởng chế độ tử tuất.

## **PHẦN IV CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

### **Điều 13**

#### **Thoả thuận hành chính**

1. Các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của các Bên ký kết Hiệp định sẽ thống nhất một Thoả thuận Hành chính nhằm mục đích đưa ra những giải pháp cần thiết cho việc thực hiện Hiệp định này.

2. Các cơ quan đầu mối thực hiện của mỗi Bên ký kết Hiệp định sẽ được chỉ định trong Thỏa thuận hành chính.

### **Điều 14**

#### **Trao đổi thông tin và Hỗ trợ lẫn nhau**

1. Căn cứ vào phạm vi trách nhiệm của mình, các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các Cơ quan thực hiện của các Bên ký kết Hiệp định sẽ:

(a) Trao đổi với nhau bất cứ thông tin nào cần thiết cho việc thực hiện Hiệp định, trong khuôn khổ cho phép của pháp luật của mình;

(b) Hỗ trợ lẫn nhau trong việc xác định điều kiện hưởng bảo hiểm, hoặc chi trả mọi chế độ bảo hiểm theo Hiệp định này, hoặc pháp luật mà Hiệp định này áp dụng; và

(c) Trao đổi thông tin với nhau bằng cách nhanh nhất có thể về các biện pháp thực hiện để triển khai Hiệp định này cũng như khi có những điều chỉnh, sửa đổi pháp luật của mình có khả năng tác động tới Hiệp định này.

2. Sự hỗ trợ được đề cập trong tiêu đoạn (b) của Điều này sẽ được thực hiện miễn phí, ngoại trừ các trường hợp ngoại lệ được thống nhất trong Thỏa thuận hành chính thực hiện Hiệp định được ban hành theo quy định tại đoạn 1 của Điều 13.

### **Điều 15**

#### **Bảo mật thông tin**

Ngoại trừ trường hợp bắt buộc theo pháp luật của một trong hai Bên ký kết Hiệp định, thông tin về một cá nhân được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền



hoặc Cơ quan thực hiện của Bên ký kết Hiệp định này cung cấp cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc Cơ quan thực hiện của Bên ký kết Hiệp định kia theo Hiệp định này sẽ chỉ được sử dụng cho mục đích thực hiện Hiệp định này và pháp luật mà Hiệp định này áp dụng. Thông tin mà Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc Cơ quan thực hiện của Bên ký kết Hiệp định nhận được sẽ được quản lý theo quy định của pháp luật quốc gia của Bên ký kết Hiệp định đó để đảm bảo bảo vệ thông tin riêng tư và bí mật cá nhân.

### **Điều 16**

#### **Miễn trừ các loại chứng nhận giấy tờ**

1. Văn bản và chứng nhận của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc các Cơ quan thực hiện của mỗi Bên ký kết Hiệp định khi áp dụng Hiệp định hoặc pháp luật của bên Ký kết còn lại sẽ được miễn hợp pháp hóa bởi cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.

2. Bản sao của các văn bản đã được xác nhận bởi Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc Cơ quan thực hiện của một Bên ký kết sẽ được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc Cơ quan thực hiện của Bên ký kết Hiệp định còn lại công nhận mà không cần bất kỳ hình thức chứng thực, hợp pháp hóa hoặc xác nhận nào khác.

### **Điều 17**

#### **Ngôn ngữ trao đổi thông tin**

1. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và Cơ quan thực hiện của các Bên ký kết Hiệp định có thể trao đổi trực tiếp với nhau, cũng như với bất kì ai hoặc đại diện của họ bằng tiếng Hàn, tiếng Việt hoặc tiếng Anh không kể nơi người đó sinh sống và vào bất cứ khi nào cần thiết để áp dụng Hiệp định hoặc pháp luật liên quan đến Hiệp định này.

2. Các cơ quan thực hiện và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của một Bên ký kết Hiệp định không được phép từ chối các đề nghị và hồ sơ chỉ vì lý do các đề nghị và hồ sơ này được lập bằng ngôn ngữ chính thức của Bên ký kết Hiệp định kia hoặc bằng tiếng Anh.

## **Điều 18**

### **Đệ đơn Khiếu nại, Thông báo hoặc Yêu cầu**

1. Bất kì đơn khiếu nại, thông báo hoặc yêu cầu liên quan đến việc xác định hoặc chi trả chế độ bảo hiểm theo quy định của pháp luật một Bên ký kết Hiệp định lẽ ra, theo quy định, phải nộp cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc Cơ quan thực hiện của Bên ký kết Hiệp định đó trong thời hạn định sẵn, nhưng lại nộp cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc Cơ quan thực hiện của Bên ký kết còn lại mà vẫn đảm bảo thời hạn của Bên kia thì được xem như đã được nộp trong thời hạn quy định của Bên ký kết Hiệp định đầu tiên.

2. Sau khi Hiệp định này có hiệu lực, nếu một người nộp đơn bằng văn bản yêu cầu giải quyết chế độ bảo hiểm tới Cơ quan thực hiện của một Bên ký kết Hiệp định theo pháp luật của Bên ký kết Hiệp định đó, thì hồ sơ sẽ được đảm bảo quyền lợi mà người đó được hưởng đối với các chế độ tương ứng theo quy định của pháp luật Bên ký kết còn lại nếu như cá nhân đó tại thời điểm đệ đơn:

(a) Có đủ điều kiện về tuổi được hưởng chế độ để nộp đơn khiếu nại để hưởng chế độ bảo hiểm của Bên ký kết còn lại; và

(b) Đề nghị xem xét hồ sơ theo luật của Bên ký kết còn lại; hoặc

(c) Cung cấp thông tin nêu rõ các khoảng thời gian tham gia bảo hiểm đã được thực hiện đầy đủ theo luật của Bên ký kết còn lại.

Tuy nhiên, các điều trên sẽ không được áp dụng khi người đệ đơn có yêu cầu cụ thể giới hạn hồ sơ để hưởng các chế độ theo luật pháp của Bên ký kết Hiệp định đầu tiên.

3. Trong mọi trường hợp nêu tại đoạn 1 và đoạn 2 của Điều này, Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc Cơ quan thực hiện tiếp nhận đơn khiếu nại, thông báo hoặc yêu cầu sẽ ghi rõ ngày tiếp nhận hồ sơ và chuyển ngay không chậm trễ tới Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc Cơ quan thực hiện của Bên ký kết còn lại.

## **Điều 19**

### **Chi trả bảo hiểm**

Cơ quan thực hiện của một Bên ký kết Hiệp định chi trả chế độ bảo hiểm theo nội dung của Hiệp định này bằng nội tệ của Bên ký kết Hiệp định đó.

**Điều 20**  
**Giải quyết tranh chấp**

Mọi bất đồng liên quan đến việc giải thích và áp dụng Hiệp định này sẽ được giải quyết thông qua tham vấn và thương lượng giữa các Bên ký kết Hiệp định.

**PHẦN V**  
**ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN ĐỔI VÀ ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

**Điều 21**  
**Các điều khoản chuyển đổi**

1. Bất kì khoảng thời gian đóng bảo hiểm trước khi Hiệp định này có hiệu lực cũng như các sự kiện nào khác liên quan trước ngày này sẽ được xem xét để xác định quyền hưởng các chế độ bảo hiểm theo Hiệp định này. Tuy nhiên, không Cơ quan thực hiện nào của mỗi Bên ký kết bị ràng buộc phải tính các khoảng thời gian tham gia bảo hiểm xảy ra trước ngày sớm nhất mà các khoảng thời gian tham gia bảo hiểm có thể được ghi nhận theo luật pháp của Bên đó.

2. Hiệp định này sẽ không thiết lập quyền hưởng bất cứ chế độ bảo hiểm nào đối với thời gian đóng bảo hiểm trước ngày Hiệp định có hiệu lực.

3. Việc xác định chi trả các chế độ bảo hiểm được đưa ra trước ngày Hiệp định này có hiệu lực sẽ không ảnh hưởng tới các quyền lợi phát sinh từ Hiệp định này.

4. Các chế độ bảo hiểm được xác định trước ngày Hiệp định này có hiệu lực có thể được xác định lại căn cứ theo hồ sơ nếu sự thay đổi chế độ bảo hiểm này là phát sinh hoàn toàn từ các điều khoản của Hiệp định này. Nếu việc xác định mới theo quy định của đoạn này dẫn tới việc cá nhân bị mất quyền hoặc nhận các chế độ thấp hơn so với khoản được chi trả cho giai đoạn đóng bảo hiểm trước ngày Hiệp định này có hiệu lực thì các chế độ bảo hiểm tương đương với mức chi trả trước đây sẽ được áp dụng.

5. Khi áp dụng Điều 6 và Điều 7 trong trường hợp các cá nhân đã được cử đi làm việc, hoặc tuyển dụng trên lãnh thổ của một Bên ký kết Hiệp định trước

ngày Hiệp định này có hiệu lực, thời gian lao động đề cập trong Điều đó sẽ được coi là bắt đầu từ ngày Hiệp định này có hiệu lực.

6. Các điều khoản của Phần III sẽ chỉ áp dụng cho các chế độ bảo hiểm mà hồ sơ yêu cầu được nộp vào đúng ngày hoặc sau ngày Hiệp định có hiệu lực.

### **Điều 22**

#### **Sửa đổi**

Hiệp định này có thể được sửa đổi trên cơ sở thống nhất chung giữa hai Bên ký kết Hiệp định. Sửa đổi đó sẽ có hiệu lực theo quy định tại Điều 23 và là một phần không thể thiếu của Hiệp định này.

### **Điều 23**

#### **Hiệu lực**

1. Hiệp định này có hiệu lực từ ngày thứ nhất của tháng thứ hai kể từ tháng mà mỗi Bên ký kết Hiệp định nhận được thông báo bằng văn bản của Bên ký kết Hiệp định kia rằng Bên ký kết Hiệp định thứ nhất đã hoàn tất các thủ tục để Hiệp định có hiệu lực.

2. Ngoại trừ đoạn 1 của Điều này, các quy định tại Điều 4 và Phần III sẽ chỉ được các Bên ký kết áp dụng nếu Việt Nam có khả năng thực hiện các nghĩa vụ nêu tại Điều 4, 10 và 12. Trong trường hợp đó, Việt Nam sẽ thông báo bằng văn bản, thông qua các kênh ngoại giao, tới Hàn Quốc rằng Việt Nam sẽ thực hiện các nghĩa vụ này. Các quy định tại Điều 4 và Phần III sẽ được áp dụng kể từ ngày Hàn Quốc thông báo bằng văn bản cho Việt Nam xác nhận việc này qua đường ngoại giao.

### **Điều 24**

#### **Thời hạn và chấm dứt hiệu lực**

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực tới ngày cuối cùng của tháng thứ 12 sau tháng có thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt Hiệp định được đưa ra bởi một trong hai Bên ký kết gửi tới Bên còn lại.

2. Trong trường hợp Hiệp định này chấm dứt hiệu lực, các quyền hưởng chế độ bảo hiểm hoặc việc chi trả các chế độ bảo hiểm theo Hiệp định sẽ được

tiếp tục. Các Bên ký kết sẽ thu xếp biện pháp xử lý các quyền hưởng các chế độ bảo hiểm đang trong giai đoạn thụ lý.

Người ký dưới đây có đủ thẩm quyền để ký Hiệp định này.

Làm tại ..... , vào ngày thứ ..... tháng ....., năm..... bằng tiếng Hàn, tiếng Việt và tiếng Anh, các văn bản đều có giá trị như nhau. Trong trường hợp có cách giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ được sử dụng làm cơ sở.

ĐẠI DIỆN CHÍNH PHỦ NƯỚC  
ĐẠI HÀN DÂN QUỐC

ĐẠI DIỆN CHÍNH PHỦ NƯỚC  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM